

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25- 3 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Song Hoàn;
- Ông Hà Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Anh T, sinh năm 1990; địa chỉ: C chung cư L, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: D Trung tâm đô thị C, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Anh T trình bày:

Vào năm 2014, bà và ông Trần Văn H quen và tìm hiểu nhau được 02 tháng thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngay sau khi kết hôn, cuộc sống chung của bà và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hơn nữa ông H thường hay nhậu nhẹt, chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn nên hiện nay bà và con gái là cháu Trần Phạm Hoàng O ra ở riêng, không chung sống cùng ông H. Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H, yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông **Trần Văn H.**

Về con chung, cấp dưỡng: Bà và ông **H** có 01 con chung là cháu **Trần Phạm Hoàng O** sinh ngày 02-7-2015, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Phạm Hoàng O** và không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà **Phạm Thị Anh T** vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông **Trần Văn H** trình bày: Ông xác định về thời gian quen nhau và đăng ký kết hôn như bà **T** trình bày. Tuy nhiên ông cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng ông mới phát sinh mâu thuẫn về quan điểm nuôi dạy con cái, vợ chồng không có tiếng nói chung; hơn nữa ông cũng nhận thấy bản thân mãi làm ăn kinh tế nên ít có thời gian chia sẻ chuyện gia đình với bà **T**. Ông cũng đã tìm cách hàn gắn mâu thuẫn gia đình nhưng không thành. Tháng 11 năm 2023, bà **T** không chung sống cùng ông mà đưa con chung là cháu **Trần Phạm Hoàng O** ra ở riêng cùng bà **T**. Trước yêu cầu khởi kiện của bà **T**, ông không đồng ý ly hôn vì ông muốn hàn gắn tình cảm với bà **T**. Ông đồng ý để bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự; Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tố tụng đạt đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định nhưng nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, kết quả xác minh của Tòa án, chứng cứ trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà **Phạm Thị Anh T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Trần Văn H** nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông **H** có nơi cư trú tại **thành phố V** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà **Phạm Thị Anh T**, bị đơn ông **Trần Văn H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Bà **T** và ông **H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 12-12-2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà **T** trình bày: Ngay sau khi kết hôn, cuộc sống chung của bà và ông **H** đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hơn nữa ông **H** thường hay nhậu nhẹt, chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn nên hiện nay bà và con gái là cháu **Trần Phạm Hoàng O** ra ở riêng, không chung sống cùng ông **H** và bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông **H**.

Ông **H** trình bày: Ông xác định về thời gian quen nhau và đăng ký kết hôn như bà **T** trình bày. Tuy nhiên ông cho rằng sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn về quan điểm nuôi dạy con cái, vợ chồng không có tiếng nói chung; bản thân ông mãi làm ăn kinh tế nên ít có thời gian chia sẻ chuyện gia đình với bà **T**. Ông cũng đã tìm cách hàn gắn mâu thuẫn gia đình nhưng không thành. Tháng 11 năm 2023, bà **T** không chung sống cùng ông mà đưa con chung là cháu **Trần Phạm Hoàng O** ra ở riêng cùng bà **T**. Trước yêu cầu khởi kiện của bà **T**, ông không đồng ý ly hôn vì ông muốn hàn gắn tình cảm với bà **T**.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi bà **T**, ông **H** sinh sống có nội dung: Trong thời gian cư trú tại địa phương thì **T**, ông **H** có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, bà **T** đã đưa cháu **O** đi nơi khác sinh sống. Những nội dung xác minh trên phù hợp với lời trình bày của bà **T** và ông **H**.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, bà **T** xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông **H** và giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện của mình. Bà **T**, ông **H** cùng thừa nhận đã không cùng chung sống từ tháng 11 năm 2023 đến nay, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà **T** với ông **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông **H** không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được giải pháp nào hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông **H** đến làm việc, tham gia phiên hòa giải nhưng ông **H** không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy ông **H** không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà **T** và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà **T** với ông **H** là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: bà **T** với ông **H** có 01 con chung là **Trần Phạm Hoàng O** sinh ngày 02-7-2015; bà **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà **T** thì thấy: cháu **O** còn nhỏ, đang được bà **T** chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông H cũng đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con chung và cháu Trần Phạm Hoàng O cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, yêu cầu về việc nuôi con chung của bà T có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng, tuy nhiên ông H có nguyện vọng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đồng/tháng. Xét các ý kiến của bà T, ông H là tự nguyện và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu O, ghi nhận việc ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đồng/tháng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Anh T;

Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Anh T được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà Phạm Thị Anh T và ông Trần Văn H có 01 con chung là cháu Trần Phạm Hoàng O; sinh ngày 02-7-2015. Bà Phạm Thị Anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Phạm Hoàng O. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ của con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Ghi nhận việc ông Trần Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Phạm Hoàng O số tiền 3.000.000đồng/tháng (*ba triệu đồng/một tháng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Phạm Hoàng O đủ 18 (mười tám) tuổi hoặc theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Phạm Thị Anh T** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà **Phạm Thị Anh T** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002392 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà **T** đã nộp xong án phí.

Ông **Trần Văn H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My

